

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: **02/7/2019**

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đức Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Tuấn

2. Bà Trần Thị Hồng Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đại - Kiểm sát viên

Ngày 02/7/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/5/2019 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/6/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị N**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn Đ (nay là thôn T), xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn H**, sinh năm 1977;

Nơi ĐKTT: Thôn 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn, chị Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phạm Văn H năm 1999 trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N vào ngày 01/12/1999. Sau ngày cưới, anh chị chung sống hạnh phúc tại gia đình anh H được khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau; anh H hay uống rượu, không chịu khó làm ăn, khi chị khuyên bảo thì bị anh đe dọa, đánh đập. Do mâu thuẫn trầm trọng, chị mang con về gia đình bố mẹ đẻ ở thôn Đ (nay là thôn T), xã H, huyện N sinh sống. Sau đó, anh H đến đe dọa, bắt chị phải giao con cho anh nuôi dưỡng. Từ đó đến nay, anh chị ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Phạm Văn H.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Thị Ng, sinh ngày 08/5/2001, do anh H và gia đình anh nuôi dưỡng. Hiện con chung đã trưởng thành, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Phạm Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh không trình bày về điều kiện kết hôn và tình trạng hôn nhân giữa anh với chị Phạm Thị N, chỉ xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Phạm Thị Ng, sinh ngày 08/5/2001, đến ngày 08/5/2019 đủ 18 tuổi, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh xác định không có.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Giữa chị với anh Phạm Văn H mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn và không thể kéo dài quan hệ hôn nhân. Việc anh H không nhất trí ly hôn là nhằm gây khó khăn cho chị.

Đại diện VKSND huyện Ninh Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 97 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về phí và lệ phí; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án như sau: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N, xử cho chị N ly hôn anh Phạm Văn H; về án phí: Buộc chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị N có đơn khởi kiện xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung giữa chị với anh Phạm Văn H, cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; quan hệ pháp luật là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, anh H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang giải quyết vụ án. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Chị N nộp đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng

quy định. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh H đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; các văn bản tố tụng giao cho bố mẹ anh và xét xử vụ án vắng mặt anh. Do đó, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh Phạm Văn H theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phạm Thị N và anh Phạm Văn H được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N vào ngày 01/12/1999 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, không tôn trọng nhau trong và không thống nhất trong việc phát triển kinh tế gia đình dẫn đến cãi cọ, xô xát, cuộc sống hôn nhân căng thẳng. Từ năm 2001 chị N về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống, anh chị ly thân, không quan tâm gặp gỡ nhau. Anh H không nhất trí ly hôn song không chứng minh được quan hệ hôn nhân của anh chị có thể kéo dài và thực tế anh không có biện pháp cụ thể nào để cải thiện quan hệ hôn nhân. Tài liệu xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Lực, huyện Ninh Giang, thể hiện: Hôn nhân giữa chị N và anh H là hợp pháp; giữa anh chị có mâu thuẫn và đã ly thân hơn 15 năm; đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; có căn cứ để xử cho chị Phạm Thị N ly hôn anh Phạm Văn H.

[3] Về con chung: Chị N và anh H có một con chung là Phạm Thị Ng, sinh ngày 08/5/2001, do anh H và gia đình anh nuôi dưỡng. Hiện con chung đã thành niên, các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị N.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Phạm Thị N ly hôn anh Phạm Văn H.

2. *Về án phí:* Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004756 ngày 02/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 02/7/2019; bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang;
- UBND xã H, huyện N (để ghi vào sổ Hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đức Chính